

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỐ GÓC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XUẤT BẢN ĐỢT 1 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ quản lý nhà nước về xuất bản đợt 1 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 3679-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ quản lý nhà nước về xuất bản.
Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 27/4/2025 đến ngày 22/6/2025.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Đinh Thị Xuân Anh	25.3.1970	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004540	NVQLNNXB1/2025.01	
2	Phan Tấn Anh	25.10.1992	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BD 004541	NVQLNNXB1/2025.02	
3	Nguyễn Tiến Công	04.5.1971	Bắc Ninh	Nam	Kinh	HBT/BD 004542	NVQLNNXB1/2025.03	
4	Phan Thị Thu Hà	24.8.1969	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004543	NVQLNNXB1/2025.04	
5	Bùi Thị Thu Hằng	30.6.1975	Yên Bái	Nữ	Kinh	HBT/BD 004544	NVQLNNXB1/2025.05	
6	Lại Thị Hoa	20.10.1990	Bình Phước	Nữ	Kinh	HBT/BD 004545	NVQLNNXB1/2025.06	
7	Nguyễn Thị Hương	24.8.1982	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004546	NVQLNNXB1/2025.07	
8	Hà An Huy	05.11.1971	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	HBT/BD 004547	NVQLNNXB1/2025.08	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
9	Nguyễn Đăng Khoa	12.9.1991	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	HBT/BD 004548	NVQLNNXB1/2025.09	
10	Hoàng Đình Linh	24.7.1981	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004549	NVQLNNXB1/2025.10	
11	Đoàn Thị Bích Lộc	10.10.1990	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 004550	NVQLNNXB1/2025.11	
12	Nguyễn Thành Lợi	22.02.1973	Bến Tre	Nam	Kinh	HBT/BD 004551	NVQLNNXB1/2025.12	
13	Lê Hồng Mai	08.3.1977	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	HBT/BD 004552	NVQLNNXB1/2025.13	
14	Nguyễn Thị Kim Ngân	01.5.1976	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	HBT/BD 004553	NVQLNNXB1/2025.14	
15	Đỗ Phan Như Nguyệt	30.11.1989	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004554	NVQLNNXB1/2025.15	
16	Nguyễn Ngọc Nhung	22.3.1986	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004555	NVQLNNXB1/2025.16	
17	Phùng Thị Cẩm Nhung	21.4.1989	An Giang	Nữ	Kinh	HBT/BD 004556	NVQLNNXB1/2025.17	
18	Trần An Phong	06.9.1969	Quảng Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004557	NVQLNNXB1/2025.18	
19	Ngô Văn Phong	10.02.1970	Đồng Nai	Nam	Kinh	HBT/BD 004558	NVQLNNXB1/2025.19	
20	Vũ Thị Phương	26.11.1985	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	HBT/BD 004559	NVQLNNXB1/2025.20	
21	Trần Thị Quế	26.12.1981	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004560	NVQLNNXB1/2025.21	
22	Bùi Thị Sao	07.11.1987	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 004561	NVQLNNXB1/2025.22	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
23	Nguyễn Phương Sinh	04.4.1973	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004562	NVQLNNXB1/2025.23	
24	Lê Hồng Sơn	27.5.1974	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004563	NVQLNNXB1/2025.24	
25	Đoàn Lê Hoàng Tân	06.7.1987	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BD 004564	NVQLNNXB1/2025.25	
26	Phan Bách Thắng	13.11.1979	Ninh Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004565	NVQLNNXB1/2025.26	
27	Hoàng Thị Thu	10.01.1976	Thái Nguyên	Nữ	Tày	HBT/BD 004566	NVQLNNXB1/2025.27	
28	Phí Quốc Thuyên	18.6.1973	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004567	NVQLNNXB1/2025.28	
29	Đoàn Anh Thy	09.3.1991	Tiền Giang	Nữ	Kinh	HBT/BD 004568	NVQLNNXB1/2025.29	
30	Nguyễn Thị Xuân Trang	27.02.1993	Đồng Nai	Nữ	Kinh	HBT/BD 004569	NVQLNNXB1/2025.30	
31	Trần Anh Trường	12.01.1972	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	HBT/BD 004570	NVQLNNXB1/2025.31	
32	Nguyễn Thị Hải Vân	15.10.1978	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004571	NVQLNNXB1/2025.32	

Tổng số: 32 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2025

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang